MIRAE ASSET Securities

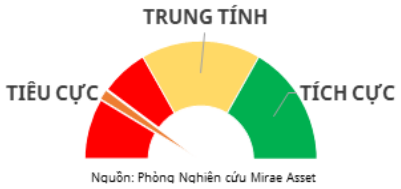
19 Tháng 10, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,689.84	-0.9	-6.9	-2.4
HNX	257.91	-0.5	-6.3	-6.6
UPCOM	125.02	0.1	-1.1	11.0
MSCI EM	1,620.63	0.8	-5.3	19.0
NIKKEI	64,916.70	-0.6	-0.2	36.4
HANG SENG	24,186.83	0.5	-2.3	-6.5
KOSPI	5,768.01	1.8	-16.3	53.9
FTSE	10,788.84	-0.9	1.2	15.3
S&P 500	7,659.44	-1.1	0.1	14.9
NASDAQ	26,140.03	-2.1	-1.4	15.3

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.5	1.9	16.1
Indonesia	13.2	1.6	12.2
Philippines	8.4	1.1	11.6
Malaysia	14.1	1.5	10.4
Thailand	14.9	1.5	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-2	113
TPCP 10 năm	4.5	0	0	70

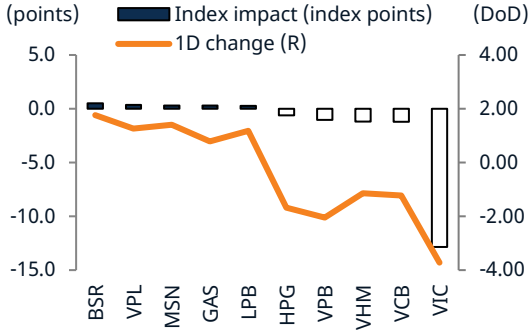
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,897	0.0	-0.5	-1.7
US$/KRW	1,329.2	-0.4	-3.3	-6.4
US$/JPY	158.14	0.1	0.5	4.9
US$/EUR	0.8916	0.2	2.2	3.8
US$/GBP	0.7502	0.0	0.3	0.6
US$/SGD	1.2796	0.0	0.3	-1.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	516	466	584
HNX	37	25	32
UPCOM	14	16	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Xanh đỏ đan xen, trụ kéo lùi chỉ số

VN-Index khởi đầu tuần bằng nhịp tăng ngắn đầu phiên trước khi lực bán xuất hiện, kéo chỉ số lùi về và đi ngang trong phần còn lại của phiên sáng. Sang phiên chiều, áp lực bán gia tăng, đặc biệt trong đợt ATC, đẩy chỉ số thủng mốc 1.700 điểm. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.689,84 điểm, giảm 16,07 điểm (-0,94%). Thanh khoản thị trường với khối lượng khớp lệnh tăng 12,69% đạt khoảng 519 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch 11.323 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 162 mã tăng, 133 mã giảm và 75 mã đứng giá.

Áp lực lớn nhất đến từ nhóm bất động sản (VIC, VHM, SJS), trong đó riêng VIC lấy đi hơn 12,6 điểm của chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng (VCB, VPB, BID) và công nghệ (FPT, CMG, ELC) đồng loạt giảm, nới rộng mức giảm của VN-Index. Ở chiều ngược lại, nhóm năng lượng (BSR, PLX, PVT) dẫn đầu đà tăng, cùng sắc xanh tại VPL, MSN và LPB, đóng vai trò nâng đỡ và giúp hạn chế đà giảm của chỉ số.

Khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 850 tỷ đồng toàn thị trường, riêng sàn HOSE ghi nhận mức bán ròng 796 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở các mã như VCB (-103 tỷ đồng), VHM (-101 tỷ đồng) và ACB (-92 tỷ đồng). Ngược lại, dòng vốn ngoại mua ròng vào các mã như FRT (150 tỷ đồng), MBB (55 tỷ đồng) và BVH (38 tỷ đồng).

Phiên giao dịch giảm điểm, làm điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức -4 điểm xuống mức -5 điểm với trạng thái TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 12.5x.

Lâm Tuấn Nhã, Analyst, 84-8-39102222, nha.lt1@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (19/10/2026)	1.689	Kháng cự 1	1.720
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.800
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.650
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.600

VN-Index mất hơn 16 điểm với cây nến đỏ thân dài, xóa sạch nhịp hồi trước đó và đóng cửa sát mức thấp nhất phiên, cho thấy phe bán vẫn kiểm soát đến cuối ngày và đưa chỉ số tiến gần vùng hỗ trợ quanh 1.650–1.670 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (19/10/2026)	1.841	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TIÊU CỰC**	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.839	Hỗ trợ 1	**1.800**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+1,82**	Hỗ trợ 2	**1.750**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-4	**TIÊU CỰC**

VN30F1M kết phiên giảm điểm, điểm số đánh giá kỹ thuật -4 điểm (TIÊU CỰC).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PLC	Nhựa đường	20,700	119,440	**97**	5	**Top sức mạnh ngành**

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
TCB	33.25	18,410,664	**7**	**KHẢ QUAN**	235,617	8.7	1.3	612
NT2	23.35	1,104,665	**7**	**KHẢ QUAN**	6,722	5.5	1.3	26
VIX	12.05	26,094,990	**5**	**KHẢ QUAN**	31,002	5.8	0.9	314
SHS	12.5	9,523,525	**5**	**KHẢ QUAN**	11,243	11.2	0.9	119
HCM	24.2	2,673,555	**5**	**KHẢ QUAN**	32,669	22.6	2.0	65
DCL	52	1,105,610	**5**	**KHẢ QUAN**	3,798	#N/A N/A	2.5	57
TCH	11.25	4,187,395	**5**	**KHẢ QUAN**	11,287	37.7	1.0	47
KBC	26	1,098,575	**5**	**KHẢ QUAN**	24,486	14.0	0.9	29
ANV	18.85	1,151,640	**5**	**KHẢ QUAN**	5,019	5.8	1.3	22
HPG	20.55	17,479,300	**4**	**KHẢ QUAN**	173,504	7.6	1.2	359
NVL	10.75	27,259,250	**4**	**KHẢ QUAN**	34,430	5.8	0.5	293
MBB	19.7	11,513,845	**4**	**KHẢ QUAN**	198,354	6.4	1.3	227
CTG	30.5	7,125,130	**4**	**KHẢ QUAN**	236,892	5.9	1.2	217
VCI	19.05	7,555,940	**4**	**KHẢ QUAN**	21,950	13.6	1.3	144
VND	13.5	9,718,365	**4**	**KHẢ QUAN**	20,551	7.6	1.0	131
TPB	11.95	10,198,630	**4**	**KHẢ QUAN**	38,122	5.0	0.8	122
DXG	10.25	8,860,865	**4**	**KHẢ QUAN**	12,998	64.7	0.9	91
CII	12.95	7,013,330	**4**	**KHẢ QUAN**	8,702	88.9	0.9	91
CEO	10.9	5,985,350	**4**	**KHẢ QUAN**	6,494	33.9	1.0	65
KDH	14.15	3,745,420	**4**	**KHẢ QUAN**	17,467	10.7	0.9	53
PDR	11.25	4,266,725	**4**	**KHẢ QUAN**	11,225	18.1	0.9	48
MBS	15.4	2,747,550	**4**	**KHẢ QUAN**	15,414	11.5	1.4	42
DIG	9.54	4,105,695	**4**	**KHẢ QUAN**	8,054	10.4	0.8	39
VCG	15.05	1,964,725	**4**	**KHẢ QUAN**	10,508	2.7	0.9	30
HSG	10.45	2,513,535	**4**	**KHẢ QUAN**	8,436	12.9	0.7	26
ORS	13.5	1,888,125	**4**	**KHẢ QUAN**	8,423	14.3	1.1	25
HHV	9.33	2,672,735	**4**	**KHẢ QUAN**	5,105	8.1	0.5	25
DBC	15.65	1,372,030	**4**	**KHẢ QUAN**	6,746	5.8	0.8	21
HUT	12.3	1,734,405	**4**	**KHẢ QUAN**	13,140	22.7	1.2	21
ACV	41.3	505,865	**4**	**KHẢ QUAN**	147,950	13.3	2.0	21
CTS	20.9	980,210	**4**	**KHẢ QUAN**	5,690	15.1	2.0	20
VHC	51.4	340,055	**4**	**KHẢ QUAN**	10,766	7.9	1.1	17
BVS	26.3	559,875	**4**	**KHẢ QUAN**	1,899	9.9	0.7	15
SSI	19.8	18,637,650	**3**	TRUNG TÍNH	59,188	11.7	1.5	369
NKG	10.6	2,270,965	**3**	TRUNG TÍNH	5,219	31.3	0.7	24
BCM	39.2	468,860	**3**	TRUNG TÍNH	40,572	21.4	1.9	18

TLG	55.7	270,250	**3**	TRUNG TÍNH	5,377	14.0	2.1	15
HDB	22.75	15,669,115	**2**	TRUNG TÍNH	148,031	7.4	1.7	356
GEX	22.75	6,131,730	**2**	TRUNG TÍNH	29,768	21.7	1.5	139
BID	33.65	3,055,030	**2**	TRUNG TÍNH	261,739	7.9	1.4	103
GMD	54	1,180,595	**2**	TRUNG TÍNH	34,546	14.3	2.5	64
CTD	63.2	335,165	**2**	TRUNG TÍNH	7,067	9.0	0.7	21
TNG	18.5	823,385	**2**	TRUNG TÍNH	2,382	5.3	1.2	15
SAB	42.8	349,165	**2**	TRUNG TÍNH	54,894	11.9	2.8	15
VPB	24	19,181,404	**0**	TRUNG TÍNH	240,000	7.7	1.3	460
SHB	10.55	41,274,224	**0**	TRUNG TÍNH	56,376	4.0	0.7	435
FPT	57.1	5,027,990	**0**	TRUNG TÍNH	107,675	10.7	2.7	287
PNJ	18.5	13,748,640	**0**	TRUNG TÍNH	9,467	3.9	0.7	254
PLX	35.15	4,314,300	**0**	TRUNG TÍNH	45,480	14.5	1.7	152
VSC	13.1	7,113,795	**0**	TRUNG TÍNH	4,904	14.3	0.9	93
DCM	33.85	2,528,590	**0**	TRUNG TÍNH	17,920	7.8	1.6	86
VIB	13.75	5,192,390	**0**	TRUNG TÍNH	51,252	6.9	1.1	71
VRE	23.05	3,091,355	**0**	TRUNG TÍNH	52,377	7.2	1.1	71
EIB	16.25	3,170,715	**0**	TRUNG TÍNH	30,269	61.5	1.1	52
VC3	23.2	1,718,945	**0**	TRUNG TÍNH	3,452	48.5	2.2	40
NLG	21.4	1,389,730	**0**	TRUNG TÍNH	10,383	17.3	0.8	30
VGC	44.25	640,045	**0**	TRUNG TÍNH	19,839	13.9	2.4	28
VEA	39	528,245	**0**	TRUNG TÍNH	51,823	6.7	2.2	21
MSN	72.4	5,683,590	**-2**	TRUNG TÍNH	105,731	15.6	2.8	411
MWG	74.2	2,847,185	**-2**	TRUNG TÍNH	109,497	11.1	3.1	211
MSR	65.5	2,438,835	**-2**	TRUNG TÍNH	72,376	6550.0	5.9	160
ACB	20.25	7,299,615	**-2**	TRUNG TÍNH	117,540	7.5	1.2	148
PVS	31.8	3,571,570	**-2**	TRUNG TÍNH	19,516	9.3	1.3	114
FRT	146	702,935	**-2**	TRUNG TÍNH	26,107	23.0	5.4	103
GVR	31.35	2,744,190	**-2**	TRUNG TÍNH	125,400	17.7	2.1	86
VPI	50.2	1,604,425	**-2**	TRUNG TÍNH	17,673	43.9	3.3	81
MCH	139.8	542,515	**-2**	TRUNG TÍNH	182,775	25.9	9.7	76
LPB	38.45	1,918,225	**-2**	TRUNG TÍNH	114,861	10.2	2.7	74
HAH	49.1	1,266,395	**-2**	TRUNG TÍNH	9,248	7.0	1.8	62
SBT	22.5	1,152,650	**-2**	TRUNG TÍNH	21,029	28.6	1.8	26
DHC	37.8	520,105	**-2**	TRUNG TÍNH	4,016	7.5	1.6	20
DGC	33	512,485	**-2**	TRUNG TÍNH	12,533	6.3	0.8	17
VCB	56.2	2,967,205	**-3**	TRUNG TÍNH	469,589	11.3	1.9	167
CTR	67.8	215,325	**-3**	TRUNG TÍNH	8,686	13.3	3.9	15
VHM	60.3	8,039,075	**-4**	**TIÊU CỰC**	495,354	6.3	1.9	485
BSR	28.85	10,751,945	**-4**	**TIÊU CỰC**	144,461	7.3	1.9	310
PVT	24.1	8,123,490	**-4**	**TIÊU CỰC**	12,458	8.7	1.3	196
VJC	127.5	908,310	**-4**	**TIÊU CỰC**	98,060	44.5	3.7	116
VNM	57.5	1,934,225	**-4**	**TIÊU CỰC**	120,172	12.2	3.8	111
GAS	76.7	1,069,090	**-4**	**TIÊU CỰC**	185,073	14.6	2.7	82
DGW	45.45	1,718,300	**-4**	**TIÊU CỰC**	10,152	12.0	2.7	78
DPM	21.25	2,485,810	**-4**	**TIÊU CỰC**	14,448	8.5	1.3	53
PET	50	922,955	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,737	25.4	3.1	46
IDC	33.9	1,328,100	**-4**	**TIÊU CỰC**	14,151	6.5	2.1	45

PVP	22.7	1,595,795	**-4**	**TIÊU CỰC**	2,354	7.3	1.2	36
HAG	14.4	2,265,840	**-4**	**TIÊU CỰC**	18,251	5.4	1.2	33
DRI	15.9	1,806,060	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,164	7.4	1.7	29
PC1	18.55	1,243,370	**-4**	**TIÊU CỰC**	7,629	7.5	1.1	23
DPR	36.95	510,360	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,210	9.0	1.2	19
VOS	11.5	1,405,440	**-4**	**TIÊU CỰC**	1,610	4.1	0.8	16
VIC	207	2,695,640	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,606,773	74.0	9.2	558
BVH	70.7	1,062,895	**-5**	**TIÊU CỰC**	52,482	15.8	2.0	75
NVB	13.3	2,174,150	**-5**	**TIÊU CỰC**	38,942	79.6	1.8	29
HHP	17	1,254,710	**-5**	**TIÊU CỰC**	1,567	32.6	1.6	21
POW	12.25	5,550,795	**-6**	**TIÊU CỰC**	37,581	6.2	0.9	68
PVD	17.7	3,617,750	**-6**	**TIÊU CỰC**	16,421	17.0	1.0	64
OIL	12.9	2,035,150	**-6**	**TIÊU CỰC**	13,342	37.6	1.3	26
REE	45.05	455,350	**-6**	**TIÊU CỰC**	28,062	10.6	1.3	21
PHR	32.25	495,870	**-6**	**TIÊU CỰC**	7,866	8.4	1.7	16
STB	61.8	3,007,705	**-7**	**TIÊU CỰC**	116,506	19.0	1.9	186

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng vượt dự báo trong quý 3/2026

Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc tăng tốc lên 4.5% trong quý 3/2026 so với cùng kỳ năm trước, khi nhu cầu nước ngoài đối với các sản phẩm công nghệ của nước này phần lớn bù đắp cho sự suy thoái ngày càng sâu của thị trường bất động sản và nhu cầu tiêu dùng ảm đạm.

Con số này cao hơn mức dự báo tăng trưởng 4.4% của các nhà kinh tế được Reuters khảo sát, đồng thời vượt mức thấp nhất trong 3 năm là 4.3% ghi nhận trong quý 2/2026.

Dữ liệu cho thấy nền kinh tế Trung Quốc vẫn dựa vào các nhà máy và người mua hàng từ nước ngoài, trong khi các hộ gia đình và nhà đầu tư tư nhân tiếp tục thận trọng. Tăng trưởng bình quân trong 9 tháng đầu năm đạt 4.6%, gần ngưỡng thấp trong mục tiêu chính thức 4.5-5% mà Bắc Kinh đề ra.

Trong 9 tháng đầu năm nay, mức suy giảm của đầu tư tài sản cố định tại khu vực đô thị tiếp tục sâu hơn, giảm 7.2% so với cùng kỳ năm trước, trong khi khảo sát của Reuters dự báo mức giảm 7.3%.

Trong tháng 9, doanh số bán lẻ tăng 1.1%, cao hơn dự báo tăng 0.6% của các nhà phân tích. Sản lượng công nghiệp tăng 5.5% so với cùng kỳ năm trước, phù hợp với dự báo.

Nguồn: vietstock.vn

Đồng euro giảm giá so với hầu hết các đồng tiền trong G10

Đồng euro mất giá so với các đồng tiền trong G10 do xung đột Ukraine và căng thẳng tại châu Âu, gây áp lực lên nền kinh tế khu vực trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng.

Đồng euro đã giảm giá so với hầu hết các đồng tiền trong nhóm 10 quốc gia giàu có (G10), khi xung đột tại Ukraine leo thang cùng các cuộc biểu tình lan rộng ở Pháp làm giảm sút lòng tin đối với đồng tiền chung châu Âu.

Trong phiên giao dịch đầu tuần tại châu Á, đồng euro có thời điểm giảm tới 0,5% so với đồng USD, sau khi Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky cho biết Mỹ hối thúc nước này phải chấm dứt xung đột với Nga.

Đồng euro có lúc chạm mức thấp 1,1183 USD/euro, trước khi thu hẹp đà giảm và giao dịch quanh ngưỡng 1,1212 USD/euro vào lúc 7 giờ 2 phút sáng 19/10 theo giờ Singapore.

Bà Carol Kong, chiến lược gia tại ngân hàng Commonwealth Bank of Australia, nhận định đồng euro có thể xuống đến ngưỡng hỗ trợ 1,1130 USD/euro trong tuần này, đặc biệt là nếu đồng USD tiếp tục tăng giá do những căng thẳng địa chính trị.

Những căng thẳng địa chính trị ngày càng gia tăng tại châu Âu đang gây áp lực lên đồng euro trong một thời điểm vốn đã đầy khó khăn, khi chi phí năng lượng cao đe dọa tăng trưởng kinh tế và duy trì rủi ro lạm phát. Điều này khiến đồng tiền chung châu Âu có nguy cơ tiếp tục sụt giảm nếu tình hình địa chính trị xấu đi.

Nguồn: vietstock.vn

Thống đốc NHNN Phạm Đức Ấn: Các ngân hàng phải giảm ngay lãi suất cho vay từ 1.5 -2%

Ngay sau khi ban hành Văn bản số 608 ngày 18/10, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sáng nay 19/10 đã họp với các tổ chức tín dụng, yêu cầu giảm tối thiểu 0.5%/năm

lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 6 tháng trở lên, đồng thời giảm 1.5-2%/năm lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên, gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống.

Tại cuộc họp, Thống đốc Phạm Đức Ấn cho biết, tính đến cuối tuần qua, huy động vốn tăng 11.22%, trong khi tín dụng tăng 11.44%.

Theo Thống đốc, tín dụng tăng nhanh hơn huy động vốn khiến nhu cầu vốn của hệ thống ngân hàng gia tăng, khác với giai đoạn trước khi tín dụng tăng chậm hơn. Diễn biến này cũng cho thấy ngành ngân hàng đang tích cực cung ứng vốn cho nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu phục vụ mục tiêu tăng trưởng.

Thống đốc nhấn mạnh, những nội dung được triển khai tới hệ thống ngân hàng trong cuối tuần qua có ý nghĩa quan trọng, thể hiện quyết tâm thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai chữ số, đồng thời đặt yêu cầu bảo đảm an ninh tiền tệ và an toàn hệ thống TCTD lên hàng đầu.

Bài toán đặt ra với ngành ngân hàng không chỉ là cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, mà còn phải giảm chi phí vốn, duy trì ổn định thị trường tiền tệ và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống.

Nguồn: vietstock.vn

Xuất nhập khẩu Việt Nam - EU tăng tốc, 9 tháng gần 66 tỷ USD

Xuất nhập khẩu của Việt Nam với thị trường 27 nước thành viên thuộc Liên minh châu Âu (EU) ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số, đạt 65,5 tỷ USD sau chặng đường 9 tháng năm 2026, Việt Nam xuất siêu 36 tỷ USD.

Thương mại Việt Nam – EU tăng trưởng tích cực trong 9 tháng năm 2026, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đạt khoảng 65,5 tỷ USD, theo Cục Thống kê (Bộ Tài chính).

Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 50,7 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Ở chiều ngược lại, EU xuất khẩu sang Việt Nam gần 15 tỷ USD hàng hóa.

Kết quả này cho thấy sức bật của quan hệ thương mại Việt Nam – EU trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất ổn. Tuy nhiên, xuất khẩu của Việt Nam sang EU vẫn tập trung chủ yếu tại một số thị trường truyền thống có quy mô lớn, gồm Hà Lan, Đức, Pháp, Italia, Bỉ và Tây Ban Nha.

Riêng nhóm thị trường này chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU, cho thấy dư địa mở rộng thị trường tại các quốc gia thành viên khác vẫn còn đáng kể.

Một điểm sáng trong quan hệ thương mại song phương là Việt Nam duy trì mức thặng dư thương mại lớn với EU. Nếu năm 2024, mức thặng dư đạt hơn 35 tỷ USD, con số này đã tăng lên 38,5 tỷ USD trong năm 2025 và đạt khoảng 36 tỷ USD trong 9 tháng năm 2026.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

VIC: Vingroup ưu đãi phí thuê đất và cam kết đầu ra dài hạn cho doanh nghiệp hỗ trợ

Ngày 16/10/2026 - Tại Hội nghị Tăng cường Nội địa hóa và Phát triển Hệ thống Nhà cung cấp 2026, Vingroup công bố chính sách đặc biệt dành cho các doanh nghiệp hỗ trợ tham gia chuỗi cung ứng của Tập đoàn, bao gồm: ưu đãi tới 50% phí thuê mặt bằng nhà xưởng; cam kết đầu ra dài hạn; hỗ trợ kết nối, thúc đẩy năng lực sản xuất... Mục tiêu của

Vingroup là chung tay cùng các doanh nghiệp đẩy mạnh nội địa hóa, nâng cao giá trị Việt trong chuỗi cung ứng, từng bước đưa Việt Nam thành trung tâm sản xuất và công nghiệp hỗ trợ hàng đầu khu vực.

Cụ thể, Tập đoàn ưu đãi 50% tiền thuê đất trong 3 năm đầu và 30% trong 5 năm tiếp theo cho các đối tác đặt nhà máy tại các khu công nghiệp của Vinhomes và VinFast, đồng thời chia sẻ hạ tầng logistics và hệ thống cảng biển nước sâu. Vingroup cũng cam kết bảo đảm đầu ra ổn định cho nhà cung cấp thông qua việc công khai kế hoạch sản xuất, cung cấp dự báo sản lượng luân phiên từ 12 đến 24 tháng và ký thỏa thuận khung dài hạn.

Bên cạnh việc ưu đãi phí thuê mặt bằng và cam kết đầu ra, Vingroup sẽ chia sẻ thông tin kỹ thuật, tư vấn nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng, thẩm định mẫu thử và kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác nước ngoài để hợp tác hoặc nhận chuyển giao công nghệ nếu có nhu cầu. Thông qua sự hỗ trợ của Vingroup, các doanh nghiệp cũng sẽ có cơ hội tham gia cung ứng cho các nhà máy VinFast tại Ấn Độ, Indonesia, tạo đà gia nhập chuỗi cung ứng toàn cầu.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển, đồng thời góp phần xây dựng nền công nghiệp hỗ trợ Việt Nam có sức cạnh tranh cao, từng bước vươn ra thị trường quốc tế, Vingroup sẽ mở rộng hệ thống nhà cung cấp nội địa cho tất cả các lĩnh vực trọng điểm gồm công nghiệp, công nghệ, xây dựng, hạ tầng, năng lượng xanh và thương mại, dịch vụ.

Nguồn: vietstock.vn

VPB: VPBank ghi nhận lợi nhuận hơn 11,000 tỷ đồng trong quý 3, vững vàng hướng tới mục tiêu cả năm

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đan xen cơ hội và thách thức, với những biến động của thị trường trong nước và quốc tế, VPBank tiếp tục khẳng định năng lực tăng trưởng thông qua chiến lược phát triển có chọn lọc, chủ động quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tài sản, qua đó ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý 3 và 9 tháng đầu năm 2026.

Vững nhịp tăng trưởng, kết thúc quý 3/2026, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank, HOSE: VPB) ghi nhận tổng tài sản hợp nhất vượt 1.6 triệu tỷ đồng, tăng 27.8% so với cuối năm 2025. Đóng góp quan trọng cho sự mở rộng này là dư nợ cấp tín dụng riêng lẻ đạt 1.1 triệu tỷ đồng, tăng gần 30% so với cuối năm 2025.

Quy mô tín dụng tăng trưởng đồng đều giữa các phân khúc, bám sát kế hoạch đã đề ra. Trong đó, phân khúc bán lẻ ghi nhận đà phục hồi, còn tín dụng tại phân khúc khách hàng doanh nghiệp và SME tiếp tục được tập trung vào những lĩnh vực và ngành nghề ưu tiên như sản xuất công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ, tài chính xanh, bám sát định hướng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức cao, VPBank chủ động đa dạng hóa kênh huy động, củng cố nguồn vốn phục vụ kinh doanh, đảm bảo an toàn bảng cân đối và tạo dư địa cho chặng nước rút cuối năm. Cuối quý 3, quy mô tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá hợp nhất đạt gần 987,000 tỷ đồng, tăng 34.2% so với cuối năm 2025, với đóng góp quan trọng từ ngân hàng mẹ.

Nguồn: vietstock.vn

QNP: Thiếu khoản giảm trừ tiền thuê đất, lợi nhuận quý 3 Cảng Quy Nhơn giảm 12%

Biên lãi gộp thu hẹp khi không còn khoản miễn giảm tiền thuê đất khiến CTCP Cảng Quy Nhơn (HOSE: QNP) giảm 12% lãi sau thuế quý 3. Dù vậy kết quả lũy kế 9 tháng vẫn tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận.

Trong quý 3/2026, doanh thu thuần đạt 359 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên giá vốn hàng bán lại tăng 23%, nhiều hơn doanh thu, lên 292 tỷ đồng, kéo biên lợi nhuận gộp thu hẹp từ 22% xuống còn 19% trong quý này. Doanh nghiệp lý giải nguyên nhân là do trong quý 3/2025, đơn vị được ghi nhận khoản miễn giảm 30% tiền thuê đất giúp giá vốn giảm 7.5 tỷ đồng trong khi kỳ này không phát sinh.

Bên cạnh đó chi phí quản lý doanh nghiệp trong quý 3 cũng tăng 35% lên 24 tỷ đồng. Hệ quả là lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ đạt 31 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng năm 2026 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt 9.1 triệu tấn, tăng 16% so với cùng kỳ, giúp doanh thu thuần 9 tháng đạt 1,098 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi trừ các chi phí, lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp đạt 144 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 114 tỷ đồng, lần lượt tăng 15% và tăng 14% so với cùng kỳ.

Nguồn: vietstock.vn

BMP: Biên lãi gộp thu hẹp, Nhựa Bình Minh báo lãi quý 3 giảm 9% dù giảm mạnh chi phí bán hàng

Cụ thể, quý 3, BMP ghi nhận doanh thu thuần hơn 1.46 ngàn tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ. Trong khi đó, giá vốn tăng hơn 9% lên hơn 873 tỷ đồng, kéo lợi nhuận gộp còn 590 tỷ đồng, giảm gần 20%. Theo đó, biên lãi gộp thu hẹp từ 48% còn 40.3%.

Điểm sáng lớn nhất trong quý 3 đến từ việc kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí. Trong đó, chi phí tài chính giảm 47% còn 43 tỷ đồng, phần lớn là khoản chiết khấu thanh toán dành cho các đại lý, nhà phân phối. Chi phí bán hàng cũng giảm mạnh 33%, còn 136 tỷ đồng. Dù vậy, lãi gộp giảm mạnh khiến lãi ròng đi lùi 9% còn 319 tỷ đồng.

Xét kết quả lũy kế, BMP vẫn khởi sắc nhờ sự tích cực nửa đầu năm. Sau 9 tháng, doanh thu thuần đạt gần 4.24 ngàn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ; lãi ròng 990 tỷ đồng, tăng nhẹ 2%. So với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên 2026 thông qua, Doanh nghiệp thực hiện được 70% mục tiêu doanh thu và hơn 77% kế hoạch lãi sau thuế cả năm.

Trên bảng cân đối kế toán, tại ngày 30/09/2026, tổng tài sản của Nhựa Bình Minh đạt gần 3.75 ngàn tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm. Lượng tiền mặt duy trì tỷ trọng lớn với tổng tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn gần 2.2 ngàn tỷ đồng, hơn đầu năm 4.5% và chiếm hơn 58% tổng tài sản.

Nguồn: vietstock.vn

STB: SACOMBANK giảm lãi suất cho vay 2% sau chỉ đạo của Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc (SACOMBANK) triển khai chương trình tín dụng ưu đãi với tổng quy mô lên đến 40,000 tỷ đồng. Chương trình hướng đến tạo điều kiện để doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, củng cố nguồn lực tài chính và chủ động nắm bắt cơ hội phát triển.

Trong bối cảnh nền kinh tế đẩy mạnh các động lực tăng trưởng, việc tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý có ý nghĩa thiết thực đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bám sát định hướng của Chính phủ và NHNN, SACOMBANK dành nguồn vốn ưu

đãi lên đến 40,000 tỷ đồng cho khách hàng doanh nghiệp, áp dụng mức giảm 2%/năm lãi suất cho vay, với lãi suất ưu đãi từ 8.5%/năm theo điều kiện của chương trình.

Đối tượng thụ hưởng của chương trình là các doanh nghiệp trong nước hoạt động trong những ngành nghề chủ lực, có nhu cầu bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh; doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) - những nhóm khách hàng gắn với các lĩnh vực được Chính phủ và NHNN ưu tiên hỗ trợ.

Thông qua chính sách tín dụng được thiết kế phù hợp với nhu cầu của từng nhóm khách hàng, SACOMBANK hướng đến khơi thông dòng vốn, đưa nguồn lực tài chính đến gần hơn với hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế, đồng thời bảo đảm chất lượng tín dụng, tuân thủ quy định và kiểm soát rủi ro trong quá trình cấp vốn.

Nguồn: vietstock.vn

VDS: Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của Rồng Việt (VDS) đạt 663 tỷ đồng

(ĐTCK) CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HOSE: VDS) vừa công bố Báo cáo tài chính riêng quý III/2026 với doanh thu hơn 195 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu của Rồng Việt đạt 663 tỷ đồng, hiệu quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phản ánh bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều biến động và thanh khoản suy giảm.

Trong quý III/2026, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều nhịp biến động với sự phân hóa giữa các nhóm ngành, cổ phiếu. Thanh khoản suy giảm, dòng tiền chỉ luân chuyển vào một số nhóm cổ phiếu nhất định đặt ra những thách thức đối với hoạt động kinh doanh, đầu tư và quản trị nguồn vốn của các công ty chứng khoán.

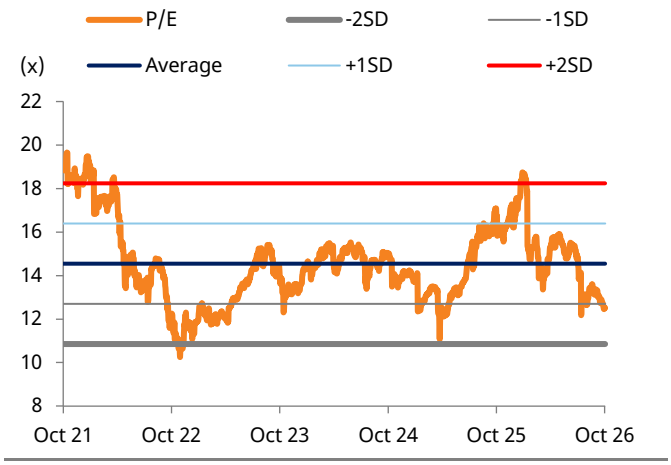
Trong bối cảnh đó, Rồng Việt khép lại quý III/2026 với tổng doanh thu đạt 195,1 tỷ đồng. Hoạt động cho vay giữ vững đà tăng trưởng với doanh thu đạt 124 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 64% tổng doanh thu. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động kinh doanh môi giới đạt 31,3 tỷ đồng, hoạt động đầu tư đạt 21,5 tỷ đồng, mảng ngân hàng đầu tư mang lại 9,2 tỷ đồng và hoạt động khác đóng góp 9,1 tỷ đồng.

Tổng chi phí quý III/2026 ghi nhận tăng so với cùng kỳ, chủ yếu do Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định đối với danh mục đầu tư trong bối cảnh thị trường biến động. Việc duy trì chính sách dự phòng thận trọng giúp phản ánh đầy đủ rủi ro thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Kết quả quý III/2026, Rồng Việt ghi lợi nhuận trước thuế âm 105,1 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế âm 83,3 tỷ đồng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

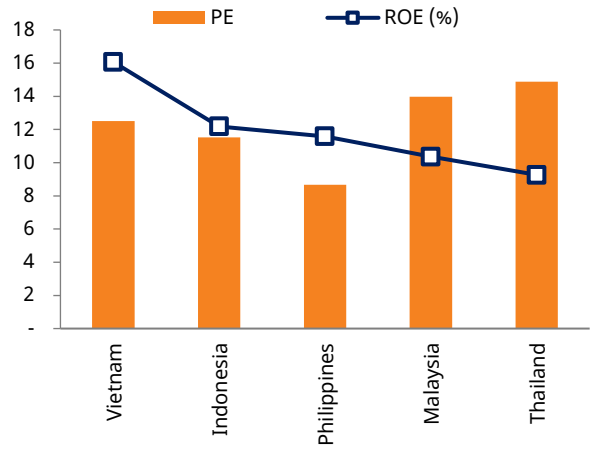
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



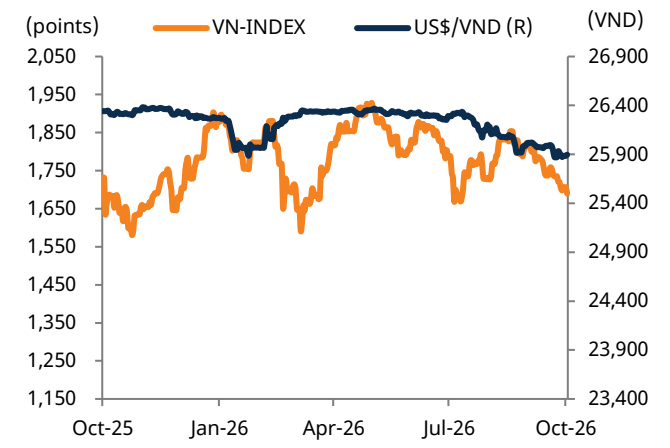
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



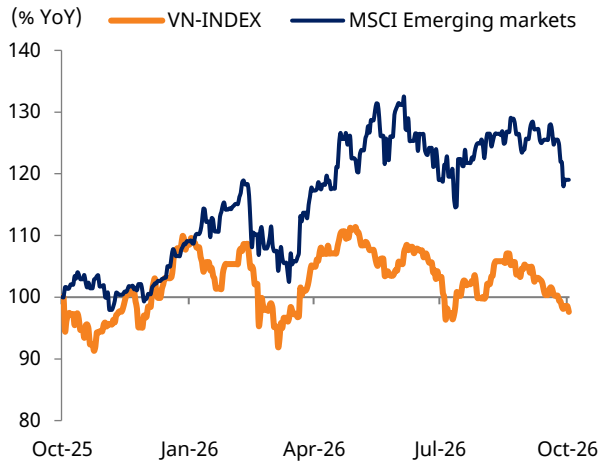
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



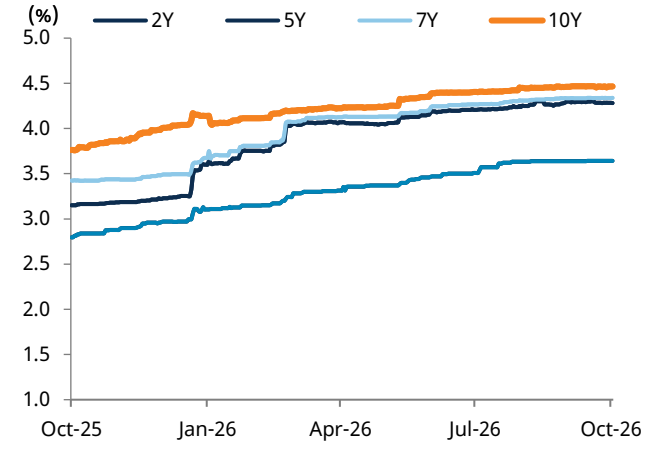
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



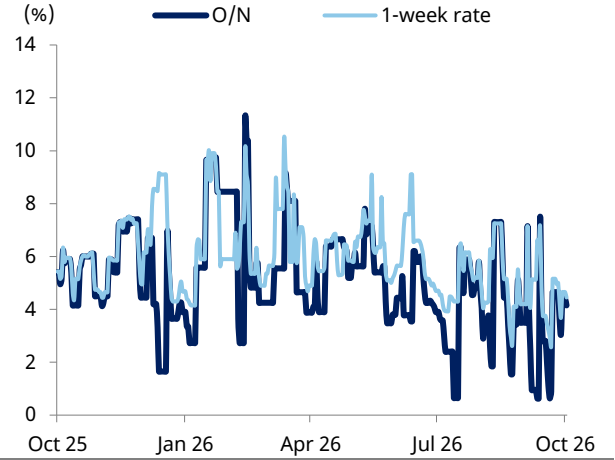
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,228,990**	**1,689.84**	**1,936.55**	**1,578.42**	**-0.9**	**-1.8**	**-6.9**	**-2.4**	**12.5**	**1.9**	**16.1**					
VN30 Index		**6,241,813**	**1,839.18**	**2,121.13**	**1,737.11**	**-0.9**	**-1.6**	**-6.4**	**-7.0**	**11.0**	**1.9**	**18.1**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	117,540	20,250	23,982	19,204	-1.7	-1.0	-7.5	-11.1	7.5	1.2	16.7	23.2	6/15/2026	619	3.1	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	261,739	33,650	52,975	32,150	-0.9	-0.6	-5.9	-7.9	7.9	1.4	16.5	17.5	7/17/2026	0	1.3	1.3
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	144,461	28,850	39,600	13,500	1.8	-5.7	-4.5	68.2	7.3	1.9	30.4	1.6	8/11/2026	300	1.0	0.7
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	236,892	30,500	43,500	28,400	-0.3	3.0	0.8	-15.5	5.9	1.2	22.2	24.4	7/23/2026	0	1.5	1.6
FPT Corp	FPT VN	107,675	57,100	98,818	55,800	-1.9	0.0	-12.4	-28.7	10.7	2.7	27.3	28.0	5/28/2026	1,818	3.2	3.2
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	185,073	76,700	131,500	56,000	0.8	-2.9	-12.8	30.9	14.6	2.7	18.4	2.1	9/22/2026	2,500	3.3	3.6
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	125,400	31,350	46,500	24,500	0.3	-3.2	-1.7	15.7	17.7	2.1	12.1	N/A	11/13/2025	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	148,031	22,750	23,450	17,230	-0.2	0.7	7.5	18.0	7.4	1.7	25.8	19.4	7/12/2024	0	N/A	1.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	173,504	20,550	27,000	19,600	-1.7	-0.7	-4.6	-19.3	7.6	1.2	17.4	21.7	5/11/2026	455	2.2	1.6
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	114,861	38,450	58,500	37,200	1.2	-4.5	-19.9	-22.3	10.2	2.7	27.0	1.5	5/14/2026	3,000	7.8	7.8
Military Commercial JCB	MBB VN	198,354	19,700	24,426	17,678	-0.8	2.9	-1.0	-12.2	6.4	1.3	22.1	22.3	7/9/2026	828	4.2	4.3
Masan Consumer Corp	MCH VN	182,775	139,800	183,343	125,000	-0.1	-1.9	-2.2	N/A	25.9	9.7	39.4	11.1	8/10/2026	4,074	2.9	3.6
Masan Group Corp	MSN VN	105,731	72,400	88,800	61,700	1.4	-1.0	5.8	-17.7	15.6	2.8	19.5	24.3	7/4/2022	0	N/A	1.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	109,497	74,200	94,400	62,500	0.4	-1.9	2.3	-12.2	11.1	3.1	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,894	42,800	57,100	42,050	-0.5	-0.7	-3.4	-5.4	11.9	2.8	22.6	58.8	7/28/2026	5,000	11.7	11.1
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	56,376	10,550	17,741	9,550	-0.9	1.4	-10.6	-40.9	4.0	0.7	17.5	4.2	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	54,689	15,950	24,800	13,234	-1.2	-1.8	-33.8	4.2	18.9	1.3	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	59,188	19,800	31,728	18,083	1.8	3.9	-7.5	-36.1	11.7	1.5	13.9	N/A	8/17/2026	833	4.2	4.4
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	116,506	61,800	79,000	45,950	-1.6	-7.6	-21.0	4.7	19.0	1.9	5.0	10.7	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	235,617	33,250	40,650	27,800	0.2	2.0	5.2	-18.2	8.7	1.3	16.1	20.3	5/19/2026	700	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	92,556	27,800	45,000	26,600	0.7	2.6	-11.7	N/A	14.8	2.0	16.1	8.4	4/7/2026	0	1.2	1.5
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	469,589	56,200	78,800	52,600	-1.2	-0.9	-6.2	-9.2	11.3	1.9	18.0	19.9	7/23/2026	450	0.8	0.9
Vinhomes JSC	VHM VN	495,354	60,300	86,650	43,450	-1.1	-5.6	-15.1	4.0	6.3	1.9	33.1	6.4	6/29/2026	3,000	5.0	2.6
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	51,252	13,750	18,082	12,831	-0.7	0.4	1.1	-23.6	6.9	1.1	16.2	3.8	4/29/2026	822	6.0	5.7
Vingroup JSC	VIC VN	1,606,773	207,000	265,000	93,000	-3.7	-5.5	-14.2	102.9	74.0	9.2	12.6	3.1	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	98,060	127,500	169,231	111,923	0.0	-1.2	-1.2	-5.3	44.5	3.7	8.7	5.3	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	120,172	57,500	75,500	54,600	-0.5	-1.5	-6.0	-2.2	12.2	3.8	31.1	49.7	6/26/2026	4,350	8.2	7.9
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	240,000	24,000	25,230	18,962	-2.0	-1.6	10.2	-5.3	7.7	1.3	18.3	22.2	5/15/2026	397	1.7	1.7
Vinpearl JSC	VPL VN	143,464	80,000	111,000	67,000	1.3	1.3	-1.5	1.3	47.9	3.3	7.5	6.6	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	52,377	23,050	41,300	20,900	0.9	1.3	-9.6	-43.8	7.2	1.1	15.5	11.2	6/30/2026	1,000	4.3	0.0

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.